

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Hóa học; Chuyên ngành: Hóa vô cơ

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Đình Vinh

2. Ngày tháng năm sinh: 15/08/1981; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Yên Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): tổ 10, xóm Thái Sơn 2, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Nguyễn Đình Vinh, Khoa Hóa học, Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0915589290; E-mail: vinhnd@tnus.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 8 năm 2005 đến tháng 8 năm 2014: Giảng viên, Khoa Hóa học, Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên;

- Từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 11 năm 2016: Giảng viên, Phó trưởng bộ môn, Khoa Hóa học, Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên;

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ tháng 12 năm 2016 đến tháng 6 năm 2018: Nghiên cứu sau tiến sĩ, Viện Công nghệ Trung Âu (CEITEC), Trường Đại học Mendel, Brno, Cộng hòa Séc;

- Từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 7 năm 2021: Giảng viên, Trưởng bộ môn, Khoa Hóa học, Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên.

Chức vụ hiện nay: Trưởng bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Hóa học, Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên.

Địa chỉ cơ quan: Khoa Hóa học, Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại cơ quan: 02083904315

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 27 tháng 06 năm 2006; số văn bằng: C0681832; ngành: Hóa học; chuyên ngành: Sư phạm Hóa học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 24 tháng 4 năm 2009; số văn bằng: QM008280; ngành: Hóa học; chuyên ngành: Hóa vô cơ; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 05 tháng 7 năm 2016; số văn bằng: 005837; ngành: Hóa học; chuyên ngành: Hóa vô cơ; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Thái Nguyên.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Hóa học - Công nghệ thực phẩm.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu xử lý các chất ô nhiễm vô cơ và hữu cơ trong môi trường;

- Nghiên cứu tổng hợp và phân tích các đặc trưng của vật liệu nano bán dẫn pha tạp nguyên tố đất hiếm.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 04 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành 03 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 01 cấp cơ sở và 02 cấp Đại học Thái Nguyên (trong đó có 01 đề tài tương đương với đề tài KH&CN cấp Bộ theo khoản 2, điều 21, thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);
- Đã công bố 42 bài báo khoa học, trong đó 12 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 01 giáo trình (là chủ biên) tại nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giấy khen của Hiệu trưởng, Quyết định số 280 ngày 20/8/2010 của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên;
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Quyết định số 355 ngày 12/7/2012 của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên;
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Quyết định số 399/QĐ-ĐHKH ngày 12/7/2014 của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên;
- Giấy khen của Hiệu trưởng, Quyết định số 399 ngày 12/7/2014 của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên;
- Giấy khen của Hiệu trưởng, Quyết định số 754/QĐ-ĐHKH ngày 04/8/2020 của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên;
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Quyết định số 740/QĐ-ĐHKH ngày 31/7/2020 của Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên;
- Giấy khen của Giám đốc Đại học Thái Nguyên, Quyết định số 55/QĐ-ĐHTN ngày 12/01/2021 của Đại học Thái Nguyên.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- *Tiêu chuẩn của nhà giáo*: Có phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng lập trường vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật cao; đáp ứng được chuẩn nghề nghiệp theo vị trí việc làm; có kỹ năng về ngoại ngữ và tin học đáp ứng được yêu cầu cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; có sức khỏe tốt để đảm nhiệm các công việc được giao.

- *Nhiệm vụ giảng dạy*: Luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy cho hệ đại học và hệ sau đại học; hướng dẫn sinh viên hoàn thành khóa luận tốt nghiệp và học viên cao học thực hiện đề tài luận văn thạc sĩ; tham gia xây dựng các chương trình cho hệ đại học và sau đại học.

- *Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học:* Có năng lực nghiên cứu độc lập và năng lực làm việc nhóm; đã hoàn thành 03 nhiệm vụ khoa học công nghệ, hiện đang là chủ nhiệm của 01 đề tài cấp Bộ GD&ĐT và là thư ký 01 đề tài thuộc Quỹ Nafosted; đã công bố được 12 bài báo khoa học thuộc danh mục tạp chí quốc tế có uy tín với 05 bài là tác giả chính, 30 công trình trên các tạp chí quốc gia, quốc tế và hội thảo khoa học; đã tham gia báo cáo tại 02 hội thảo quốc tế và 03 hội thảo quốc gia; đã xuất bản được 01 giáo trình phục vụ đào tạo trình độ đại học; đã hướng dẫn 12 đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học và 02 thực tập sinh quốc tế.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 14 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2013-2014	0	0	0	02	165	0	165/234/84
2	2014-2015	0	0	0	0	210	0	210/252.5 /71.4
3	2015-2016	0	0	0	01	270	350	270/350/229.5
03 năm học cuối								
4	2018-2019	0	0	01	0	135	135	270/426/216
5	2019-2020	0	0	01	0	210	0	210/313.5/216
6	2020-2021	0	0	0	01	20	165	185/316.5/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HDGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ IELTS 6.5

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Đào Thị Thảo		HVCH	x		9/2016- 6/2017	Trường Đại học Khoa học - ĐHTN	15/08/2017 Quyết định số 743/QĐ-ĐHKH
2	Phạm Thị Phương Thảo		HVCH	x		9/2016- 6/2017	Trường Đại học Khoa học - ĐHTN	15/08/2017 Quyết định số 743/QĐ-ĐHKH
3	Nguyễn Ngọc Tuấn		HVCH	x		10/2018- 6/2019	Trường Đại học Khoa học - ĐHTN	18/07/2019 Quyết định số 612/QĐ-ĐHKH
4	Vũ Minh Phương		HVCH	x		9/2019- 6/2020	Trường Đại học Khoa học - ĐHTN	29/09/2020 Quyết định số 1026/QĐ- ĐHKH

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1							
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Giáo trình thực tập hóa vô cơ	GT	Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên, năm 2021	03	x		Giấy xác nhận sử dụng xuất bản phẩm làm giáo trình của trường Đại học Khoa học-ĐHTN, ngày 30 tháng 6 năm 2021

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu quá trình điều chế phức sắt polysaccarit, hướng đến ứng dụng trong dược phẩm và thực phẩm chức năng	CN	ĐH2011-07-12/Đại học Thái Nguyên	01/2011 đến 12/2012	Ngày 25 tháng 6 năm 2013/Xếp loại tốt
2	Xây dựng Bộ đề thi trắc nghiệm trên máy tính học phần Tiếng anh chuyên ngành dùng cho sinh viên chuyên ngành Hóa học	CN	Trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên	09/2013 đến 06/2014	Ngày 10 tháng 6 năm 2014/Kết quả đồng ý đưa vào sử dụng
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu chế tạo vật liệu nano sắt oxihydroxit (FeOOH) thử nghiệm xử lý môi trường nước	CN	ĐH2014-TN07-07/Đại học Thái Nguyên	7/2014 đến 8/2017	Ngày 11 tháng 8 năm 2017/Xếp loại đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình điều chế sét hữu cơ từ bentonit Bình Thuận và octadecyl amoni clorua	4		VNU Journal of Science/0866-8612			Vol. 25(2S), pp. 242-247	10/2009
2	Nghiên cứu quá trình điều chế sét	4		Journal of Analytical			Vol. 14(1), pp. 18-21	01/2009

	hữu cơ từ bentonit Bình Thuận và N,N-dimethylhexadecyl amoni clorua			Sciences/0868-3224				
3	Nghiên cứu các điều kiện thích hợp điều chế sét hữu cơ từ bentonite Bình Thuận và Dodecyl amoni clorua	4		Journal of Analytical Sciences/0868-3224			Vol. 14(3), Trang 35-39	10/2009
4	Khảo sát ảnh hưởng của pH và nhiệt độ đến sự hình thành thành akaganeite từ FeCl ₃	4	x	Vietnam Journal of Chemistry/2525-2321			Vol. 50 (4B), pp. 169-173	8/2012
5	Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng đến quá trình điều chế phức sắt tinh bột (ISC)	3	x	Vietnam Journal of Chemistry/2525-2321			Vol. 50 (4B), pp. 174-177	8/2012
6	Tổng hợp akaganeite từ muối sắt (III) và các tác nhân kiềm	3	x	Vietnam Journal of Chemistry/2525-2321			Vol. 50 (4B), pp. 178-180	8/2012
7	Influence of some anions and ultrasound on the formation of akaganeite in aqueous solution	3	x	Vietnam Journal of Chemistry/2525-2321			Vol. 50(5B), pp. 237-240	11/2012
8	Ảnh hưởng của pH và nhiệt độ đến sự hình thành và độ tan của phức sắt tinh bột (ISC)	3	x	Vietnam Journal of Chemistry/2525-2321			Vol. 50(5B), pp. 241-245	11/2012
9	Effects of some factors on the formation of the complex between iron and tapioca	4	x	Vietnam Journal of Chemistry/2525-2321			Vol. 51(3AB), pp. 302-306	3/2013
10	Synthesis of iron polysaccharide using ultrasonic wave	4	x	Vietnam Journal of Chemistry/2525-2321			Vol. 51(3AB), pp. 307-310	3/2013

11	Effects of pH value and temperature on the preparation of iron-dextrin complex	4	x	Vietnam Journal of Chemistry/2525-2321			Vol. 51(3AB), pp. 286 - 289	3/2013
12	Ảnh hưởng của nhiệt độ chế tạo đến sự hình thành và tính chất quang học của các nano tinh thể lõi vỏ loại II, CdS/ZnSe	3		Vietnam Journal of Chemistry/2525-2321			Vol. 51(2C), pp. 809-813	02/2013
13	Formation of akaganeite in polysaccharide media	3	x	Vietnam Journal of Chemistry/2525-2321			Vol. 51(5A), pp.163-166	7/2013
14	Inhinitive ability and adsorption characteristics of water extract of Thai Nguyen green tea leaves for corrosion of mild steel in 1 M HCl solution	3		Journal of Analytical Sciences/0868-3224			Vol. 19(4), pp. 93-98	5/2014
15	Synthesis and characterization of iron – dextrin complex	4	x	TNU Journal of Science and Technology/2615-9562			Vol. 118(4), pp.185-189	4/2014
16	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của thời gian phản ứng và tỉ lệ sắt/maltodextrin đến sự hình thành phức sắt maltodextrin	6	x	Vietnam Journal of Chemistry/2525-2321			Vol. 52(5A), pp. 245-249	12/2014
17	Nghiên cứu lựa chọn maltodextrin và tổng hợp vật liệu phức hợp sắt-maltodextrin (DE=25)	5		Vietnam Journal of Chemistry/2525-2321			Vol. 53(3E12), pp. 365-369	6/2015
18	Nghiên cứu tổng hợp hydroxyapatit từ vỏ sò bằng phản ứng pha rắn	5		Vietnam Journal of Chemistry/2525-2321			Vol. 53(3E12), pp. 365-369	6/2015

19	Nghiên cứu ảnh hưởng của giá trị đường khử (DE) đến sự hình thành vật liệu phức hợp sắt-polysaccarit	5	x	Vietnam Journal of Chemistry/2525-2321			Vol. 53(3E12), pp. 365-369	6/2015
20	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của giá trị pH và nhiệt độ đến sự hình thành goethite	4	x	Vietnam Journal of Chemistry/2525-2321			Vol. 53(3E12), pp. 365-369	6/2015
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
21	Microwave-assisted synthesis of goethite nanoparticles used for removal of Cr (VI) from aqueous solution	4	x	Materials/1996-1944	ISI (3.623, Q2)		Vol. 10, pp. 783	7/2017
22	Synthesis and modification of clinoptilolite	4		Molecules/1420-3049	ISI (4.411, Q1)		Vol. 22(7) pp.1107	7/2017
23	Influence of pH Value and Temperature on the Formation of Iron Maltodextrin Complex	6	x	Malaysian Journal of Chemistry/1511-2292	Scopus (Q4)		Vol. 19(2), pp. 75 – 81	6/2017
24	Assessment of the safety and hematopoiesis efficiency of iron hydroxide polymaltose complex in animals	5		Vietnam Journal of Chemistry/2525-2321			Vol. 56(6E2), pp. 295-299	12/2018
25	Feasibility of goethite nanoparticles for Pb (II) and Cd (II) removal from aqueous solution	3	x	Vietnam Journal of Chemistry/2572-8288	ESCI		Vol. 57(3), pp. 281-287	01/2019
26	The adsorption of Mn(II) onto polyaniline/peanut shell nanocomposite	6		Vietnam Journal of Chemistry/2525-2321			Vol. 57(4e1,2), pp. 441-445	7/2019

	in aqueous solution						
27	Effect of Milling Methods on Particulate Properties and Structure of Clinoptilolite	4	x	Crystal Research and Technology/ 0232-1300	ISI (1.639, Q2)		Vol. 55(4), pp. 1900180 4/2020
28	Removal of cadmium from aqueous solution using sonochemically modified clinoptilolite: Optimization and modeling	7	x	Environmental Technology & Innovation/ 2352-1864	ISI (5.263, Q1)		Vol.20, p.101166 11/2020
29	The sensitive detection of methylene blue using silver nanodecahedra prepared through a photochemical route	8		RSC Advances/2046-2069	ISI (3.361, Q1)		Vol. 10, pp. 38974-38988 10/2020
30	Concentrations, profiles, emission inventory, and risk assessment of chlorinated benzenes in bottom ash and fly ash of municipal and medical waste incinerators in northern Vietnam	7		Environmental Science and Pollution Research/ 0944-1344	ISI (4.223, Q2)		Vol. 28(11), pp.13340-13351 3/2021
31	Artificial neural network modeling for Congo red adsorption on microwave-synthesized akaganeite nanoparticles: optimization, kinetics, mechanism, and thermodynamics	6	x	Environmental Science and Pollution Research/ 0944-1344	ISI (4.223, Q2)		Vol. 28(8), pp.9133-9145 10/2020

32	Removal of methylene blue from water by electrocoagulation	2	x	TNU Journal of Science and Technology/2615-9562			Vol. 225(13), pp. 101-106	11/2020
33	Ultrasound-assisted preparation of activated carbon from surgarcance bagase used for removal of Pb(II) from water	5	x	CAEP 2020/ISBN 978-604-913-232-2			pp. 42-48	10/2020
34	Đặc trưng và tính chất hấp phụ - xúc tác xử lý xanh metylen của vật liệu cacbon mao quản trung bình chứa sắt	5		Vietnam Journal of Chemistry/2525-2321			Vol. 58(5E12), pp. 67-71	11/2020
35	Adsorption of nickel(II) ion on to peanut shell – polyaniline nanocomposite: Kinetic and isotherm studies	6		Vietnam Journal of Chemistry/2525-2321			Vol. 58(5E12), pp. 393-397	11/2020
36	Immobilization of exchangeable chromium in a contaminated soil using natural zeolite as an effective adsorbent	11		Vietnam Journal of Science and Technology			Vol. 58 (5A) pp. 10-21	7/2020
37	Effect of dopant concentration and the role of ZnS shell on optical properties of Sm ³⁺ doped CdS quantum dots	8	x	RSC Advances/2046-2069	ISI (3.361, Q1)		Vol 11(14), pp.7961-7971	2/2021
38	Study of optical properties and energy transfer mechanism of Tb ³⁺ , Sm ³⁺ singly doped and co-doped ZnS quantum dots	11		Optical Materials/1873-1252	ISI (3.080, Q2)		Vol.114, pp.110901	4/2021

39	Enhancement of exchangeable Cd and Pb immobilization in contaminated soil using Mg/Al LDH-zeolite as an effective adsorbent	11		RSC Advances/2046-2069	ISI (3.361, Q1)		Vol. 11(28), pp.17007-17019	5/2021
40	Loại bỏ amoni bằng clinoptilolite biến tính bởi nacl và sóng siêu âm	2	x	TNU Journal of Science and Technology/2615-9562			Vol. 226(07), pp. 56-63	05/2021
41	Optical properties and energy transfer of Ce ³⁺ and Tb ³⁺ co-doped ZnS quantum dots	8		Journal of Alloys and Compounds/0925-8388	ISI (5.316, Q1)		Vol. 883, pp.160764	6/2021
42	Optical properties and energy transfer processes in Tb ³⁺ -doped ZnSe quantum dots	6		Physical Chemistry Chemical Physics/1463-9076	ISI (3.676, Q1)		Vol. 23, pp. 15257-15267	7/2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS là 05 công trình, bao gồm [21], [27], [28], [31], [37].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc ký yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 6 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



TS. Nguyễn Đình Vinh